

Số: /BC- UBND

Ninh Bình, ngày tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

Công tác quản lý nhà nước trong hoạt động bảo vệ môi trường và đóng góp ý kiến phục vụ thẩm tra dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

Kính gửi: Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường

Thực hiện Văn bản số 64/UBKHCNMT16 ngày 27/4/2026 của Ủy ban khoa học, công nghệ và môi trường về việc khảo sát làm việc phục vụ thẩm tra dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; trên cơ sở tiếp thu ý kiến các thành viên Đoàn công tác của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội tại buổi làm việc với tỉnh Ninh Bình ngày 14/5/2026, UBND tỉnh Ninh Bình trân trọng báo cáo về công tác quản lý nhà nước trong hoạt động bảo vệ môi trường và đóng góp ý kiến phục vụ thẩm tra dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

I. Công tác thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường (BVMT)

1. Việc thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước

Ngay sau khi Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật lĩnh vực nông nghiệp và môi trường có hiệu lực, Ninh Bình đã yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các địa phương tổ chức triển khai thực hiện Luật bằng nhiều hình thức phù hợp.

Qua tuyên truyền, quán triệt, ý thức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân từng bước được nâng lên, hiểu rõ về các chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về BVMT theo thẩm quyền của chính quyền địa phương

Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật nhằm chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh đã được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các sở, ban, ngành và các địa phương quan tâm, chú trọng triển khai thực hiện. Nhiều Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch về công tác quản lý môi trường được ban hành để cụ thể hóa các chính sách cho phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng được nhiệm vụ của công tác BVMT trên địa bàn tỉnh. Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

2.1. Trước khi sáp nhập tỉnh

* Đối với tỉnh Ninh Bình cũ: Việc xây dựng, ban hành hoặc trình HĐND cùng cấp ban hành văn bản quy phạm pháp luật về BVMT: Thực hiện Quyết định số 343/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, UBND tỉnh Ninh Bình đã ban hành văn bản số 193/UBND-VP3 ngày 06/5/2021 về tổ chức triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường, trong đó chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho các sở, ban, ngành và các địa phương tham mưu xây dựng, ban hành các văn bản pháp luật về BVMT trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt, năm 2024 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 04/3/2024 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 làm cơ sở cho việc thực hiện các nội dung về phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với bảo vệ môi trường. Kết quả cụ thể như sau:

- Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 30/3/2022 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.

- UBND tỉnh đã ban hành 04 văn bản theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường bao gồm các quyết định về quản lý chất thải, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn, quản lý nghĩa trang và cơ sở hỏa táng (chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

* Đối với tỉnh Hà Nam cũ: Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ môi trường, cụ thể:

- Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 11/10/2024 của Ban thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT.

- Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 28/6/2025 quy định cơ chế hỗ trợ kinh phí bốc xúc, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 03 Văn bản quy phạm pháp luật, 06 Quyết định thông thường và 06 kế hoạch liên quan tới công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh (Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

* Đối với tỉnh Nam Định cũ: Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành 03 văn bản quy phạm pháp luật; UBND tỉnh ban hành 04 văn bản quy phạm pháp luật. Cụ thể:

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 79/2022/NQ-HĐND ngày 06/7/2022 quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Nam Định; số 75/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 về quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Nam Định; số 09/2023/NQ-HĐND ngày 24/4/2023 về quy định mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ

nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Nam Định.

+ UBND tỉnh đã ban hành 04 văn bản quy phạm pháp luật (chi tiết Phụ lục I kèm theo).

2.2. Sau khi sáp nhập tỉnh

Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã quyết liệt chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về môi trường nhằm cụ thể hóa các chính sách của Trung ương phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đáp ứng được nhiệm vụ của công tác BVMT trên địa bàn tỉnh sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp:

- Ban thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 08-CT/TU ngày 12/12/2025 về tăng cường công tác bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026 - 2030.

- Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 quy định cơ chế hỗ trợ kinh phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, rác thải công cộng từ nguồn ngân sách trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

- UBND tỉnh ban hành: Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/10/2025 quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Quyết định số 155/2025/QĐ-UBND ngày 06/11/2025 ban hành Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Quyết định số 188/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 quy định quy trình kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

3. Việc ban hành văn bản quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động BVMT của UBND cấp tỉnh

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; sau khi sáp nhập tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có nhiều văn bản quản lý, chỉ đạo điều hành công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh:

- Ban hành 03 Kế hoạch: Số 164/KH-UBND ngày 30/12/2025 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 394/NQ-CP ngày 03/12/2025 của Chính phủ về phát động phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường, giảm thiểu phát sinh, phân loại, thu gom, xử lý rác thải vì một Việt Nam sáng - xanh - sạch - đẹp; số 163/KH-UBND ngày 25/12/2025 về triển khai thực hiện hành động quốc gia về khắc phục ô nhiễm và quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh; số 142/KH-UBND ngày 29/4/2026 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 67/NQ-CP ngày 25/3/2026 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 247/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường và Chỉ thị số 08-CT/TU ngày 12/02/2026 của Ban

Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026 - 2030.

- Ban hành Đề án thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026 - 2030 tại Quyết định số 440/QĐ-UBND ngày 12/02/2026. Hiện nay, Ninh Bình đang chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các xã, phường tham mưu UBND tỉnh xây dựng Đề án phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn để triển khai thực tế tại từng địa phương.

- Ban hành Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 16/4/2026.

4. Khó khăn, vướng mắc, tồn tại và nguyên nhân trong công tác thể chế hoá đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường

* Một số khó khăn trong việc ban hành giá tối đa và giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

- Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường không có chuyên môn sâu về định mức kinh tế kỹ thuật, lĩnh vực giá, mặt khác đây là lĩnh vực mới do đó gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình tham mưu cho UBND tỉnh ban hành giá tối đa và giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

- Thiếu định mức kinh tế kỹ thuật đồng bộ, khó xác định chính xác khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh theo từng khu vực, hạ tầng thu gom rác thải thiếu và chưa đồng bộ, chênh lệch lớn giữa giá thực tế với chi phí vận hành, gây áp lực lên ngân sách và đơn vị thu gom.

- Địa bàn rộng với nhiều địa hình khác nhau, dân cư phân tán khiến chi phí thu gom cao (*chi phí cho hoạt động thu gom từ các khu dân cư phân tán về các điểm tập kết, trạm trung chuyển, khu xử lý chiếm phần lớn kinh phí chi cho hoạt động thu gom, xử lý*), thời gian thu gom dài; mức phí người dân sẵn sàng chi trả còn thấp (*hiện nay trung bình hộ gia đình trên địa bàn các khu vực trong tỉnh phải chi trả khoảng 6.000 đồng - 14.000 đồng/khẩu/tháng chỉ đủ chi trả cho hoạt động thu gom rác thải*).

- Ý thức của người dân trong phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn chưa cao, gây khó khăn cho việc định giá rác tái chế và rác thông thường, làm tăng chi phí xử lý tổng thể.

* Một số khó khăn trong việc tổ chức triển khai thực hiện các quy định của pháp luật Bảo vệ môi trường:

- Kể từ ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực đã trải qua 01 lần sửa đổi, bổ sung Luật; 02 lần sửa đổi, bổ sung Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật (*Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ*

sung bởi Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026); 03 lần sửa đổi, bổ sung Thông tư của Bộ hướng dẫn thực hiện Luật (*Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026*). Ngoài ra khi thực hiện sáp nhập chính quyền địa phương 02 cấp, Chính phủ ban hành thêm Nghị định số 136/2025/NĐ-CP quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường và Nghị định số 131/2025/NĐ-CP quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Như vậy trong thời gian rất ngắn, rất nhiều thay đổi quy định pháp luật về lĩnh vực môi trường, khiến cho cán bộ quản lý về môi trường, các tổ chức, cá nhân phải cập nhật liên tục các quy định hiện hành để thực hiện đảm bảo đúng, đủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Mặt khác, trong bối cảnh tổ chức sáp nhập tỉnh, bỏ chính quyền cấp huyện, phân cấp, phân quyền trách nhiệm của UBND cấp huyện trước đây xuống cấp xã, tuy nhiên cán bộ cấp xã chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đặt ra (*cán bộ xã hiện nay rất ít có chuyên môn về môi trường hoặc lĩnh vực có liên quan, chủ yếu là cán bộ lĩnh vực khác kiêm nhiệm, thiếu kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực môi trường*) gây khó khăn cho quá trình triển khai thực hiện các quy định của pháp luật.

II. Tình hình thực hiện quy định pháp luật về bảo vệ môi trường

1. Về kết quả thực hiện công tác BVMT năm 2025 và tình hình triển khai nhiệm vụ công tác BVMT năm 2026 theo quy định pháp luật về BVMT

Trong năm 2025, công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh đã có chuyển biến tích cực: Năng lực, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về BVMT được củng cố và tăng cường; nhận thức về BVMT các cấp, các ngành và nhân dân được nâng lên; chất lượng môi trường khu vực đô thị và nông thôn được cải thiện đáng kể, đặc biệt là việc triển khai các mô hình phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn đối với các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; rác thải sinh hoạt tại các khu dân cư cơ bản đã được thu gom, xử lý trong đó có sự tham gia tích cực của cộng đồng doanh nghiệp; hệ thống văn bản hướng dẫn, quy định về công tác thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt cơ bản đã được ban hành đầy đủ, kịp thời; vấn đề BVMT trong hoạt động sản xuất kinh doanh đã có chuyển biến rõ nét; mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường đã được hạn chế, tình trạng ô nhiễm môi trường từng bước được phối hợp kiểm soát; công tác BVMT được các cấp, các ngành và cộng đồng ngày càng quan tâm, các hoạt động quản lý nhà nước về BVMT được tăng cường.

Để triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, Ninh Bình đang chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành:

- Kế hoạch ứng phó với sự cố chất thải trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2025 - 2030.

- Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2025 - 2030.

- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về môi trường.

- Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Kết quả thực hiện một số nội dung cụ thể

2.1. Công tác lập, phê duyệt, thực hiện nội dung quy hoạch BVMT

- Trước khi sáp nhập tỉnh, công tác lập quy hoạch bảo vệ môi trường đã được lồng ghép vào quy hoạch tỉnh (*Quy hoạch các tỉnh Ninh Bình, Nam Định, Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại các Quyết định số 218/QĐ-TTg ngày 04/3/2024, Quyết định số 1729/QĐ-TTg ngày 29/12/2023, Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26/12/2023*).

- Sau khi sáp nhập tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 06/3/2026, trong đó có nội dung về Phương hướng bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên; phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

2.2. Về thực hiện thủ tục hành chính về đánh giá tác động môi trường (ĐTM), giấy phép môi trường (GPMT), đăng ký môi trường (ĐKMT); thời gian giải quyết các thủ tục hành chính

- Năm 2025, Ninh Bình đã giải quyết 565 thủ tục hành chính về môi trường.

- Từ 01/01/2026 đến 30/4/2026: Ninh Bình đã phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của 14 dự án; cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh giấy phép môi trường cho 48 dự án/cơ sở.

(Thông tin chi tiết các thủ tục hành chính về đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường theo Phụ lục II và III gửi kèm)

Các thủ tục hành chính về môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương được tiếp nhận và giải quyết thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của tỉnh, hệ thống dịch vụ công trực tuyến được tích hợp và cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia nhằm tăng cường hiệu quả cải cách hành chính và thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, bảo đảm công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện.

- Mặt khác, thời gian qua địa phương đã tổ chức triển khai thực hiện nhiều thủ tục hành chính quan trọng trong lĩnh vực môi trường theo thẩm quyền được phân cấp, phân quyền như: Thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM, cấp GPMT đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp theo Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ. Nhìn chung, việc triển khai phân cấp, phân quyền trong giải quyết thủ tục hành chính về môi trường đã được địa phương thực hiện nghiêm

túc, đúng quy định của pháp luật; góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn. 100% các thủ tục hành chính được phân cấp, phân quyền đều tổ chức mời Chuyên gia tham gia Hội đồng thẩm định/Đoàn kiểm tra. Tổng số lượng hồ sơ tiếp nhận và giải quyết (*phân loại theo nhóm đối tượng được phân cấp quy định tại khoản 1 Điều 26a Nghị định số 05/2025/NĐ-CP*) là 24 dự án (ĐTMT); 07 dự án, cơ sở (GPMT).

- Về tiếp nhận Đăng ký môi trường của Ủy ban nhân dân cấp xã: Theo Luật Bảo vệ môi trường, đây không phải là thủ tục hành chính về môi trường. Kể từ khi sáp nhập tỉnh đến 30/4/2026, Ủy ban nhân dân cấp xã đã tổ chức tiếp nhận đăng ký môi trường của 179 dự án/cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

2.3. Về bảo vệ môi trường đối với khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề

- Đối với Khu Kinh tế (KKT) và các Khu công nghiệp (KCN): Theo Quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đã có 01 KKT và 32 KCN được thành lập, cụ thể:

+ KKT Ninh Cơ: Đã được phê duyệt Quy hoạch với diện tích 13.950 ha.

+ Các KCN: Có 20 KCN đang hoạt động, 12 KCN đang giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật. Trong các KCN đang hoạt động có 18/20 KCN đã xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung và thực hiện thu gom, xử lý nước thải đạt cột A - QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn về nước thải công nghiệp và đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động đối với nước thải, truyền dữ liệu về sở Nông nghiệp và Môi trường (đạt 90%). 02 KCN chưa có trạm xử lý nước thải tập trung (*KCN Tam Điệp và KCN Mỹ Trung*), tuy nhiên các doanh nghiệp trong các KCN đều có hệ thống thu gom, xử lý nước thải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trước khi xả thải ra môi trường. Đối với 02 KCN chưa có trạm xử lý nước thải, UBND tỉnh đã giao Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp phối hợp với Sở Tài chính thực hiện thu hút đầu tư, xã hội hóa công trình xử lý nước thải theo quy định.

(Thông tin số liệu về các KCN đang hoạt động theo Phụ lục IV gửi kèm)

- Đối với Cụm công nghiệp (CCN): Theo Quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trên địa bàn tỉnh Ninh Bình có 60 CCN đã được thành lập, với tổng diện tích 3.093,3 ha, cụ thể: Có 25 CCN đã đi vào hoạt động, với tổng diện tích 1.126,5 ha; 09 CCN đang đầu tư xây dựng hạ tầng, với tổng diện tích 418,24 ha; 12 CCN đang thực hiện thủ tục GPMB, với tổng diện tích 722,87 ha; 14 CCN đang triển khai các thủ tục liên quan đến đầu tư, xây dựng, môi trường, PCCC, đấu nối giao thông,... với tổng diện tích 825,6404 ha. Đối với 25 CCN đang hoạt động có 17 CCN có hệ thống thu gom, xử lý nước thải, trong đó có 12 CCN đã được cấp giấy phép môi trường và 02 CCN đang trong quá trình thực hiện thủ tục xin cấp giấy phép môi trường theo

quy định. Đối với các CCN chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung chủ yếu là các CCN hoạt động trước khi Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực, thiếu hoặc không còn diện tích đất để bổ sung các hệ thống xử lý nước thải, các cơ sở sản xuất trong CCN chủ yếu hoạt động nhỏ lẻ, sản xuất cơ khí, mây tre đan hoặc nghề truyền thống nên nước thải phát sinh rất ít, chủ yếu là nước thải sinh hoạt; cơ bản các doanh nghiệp đầu tư thứ cấp có phát sinh nước thải đã thực hiện thu gom, xử lý trước khi thải ra môi trường theo quy định của pháp luật về BVMT.

(Thông tin về các CCN đang hoạt động theo Phụ lục V gửi kèm)

- Bảo vệ môi trường làng nghề

Trên địa bàn tỉnh Ninh Bình hiện có 171 làng nghề, trong đó có 124 làng nghề đã có phương án bảo vệ môi trường. Có 07 làng nghề nằm trong danh sách cơ sở gây ô nhiễm môi trường cần được xử lý (*trong đó: 01 làng nghề Ninh Bình cũ, 02 làng nghề Hà Nam cũ, 04 làng nghề Nam Định cũ*). Các làng nghề trong danh sách cơ sở gây ô nhiễm môi trường cơ bản đã được kiểm soát.

Thời gian qua, vấn đề BVMT trong hoạt động sản xuất tại làng nghề đã có chuyển biến rõ nét; mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường làng nghề đã được hạn chế. Tuy nhiên, công tác đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường các làng nghề trên địa bàn các xã, phường chưa được quan tâm thực hiện; sự vào cuộc của cơ quan quản lý địa phương trong công tác BVMT làng nghề có nơi chưa đồng bộ, quyết liệt; chi ngân sách hàng năm cho hoạt động BVMT còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu, tình hình thực tế; nhận thức của các cơ sở sản xuất tại các làng nghề về vai trò của BVMT đối với sức khỏe cộng đồng, gìn giữ giá trị văn hóa, phát triển du lịch còn hạn chế; công tác di dời các hộ, cơ sở sản xuất tại các làng nghề vào các khu, CCN, CCN làng nghề gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là đối với các làng nghề có hoạt động sản xuất gắn liền với nơi sinh sống, cư trú.

Theo quy định tại khoản 6 Điều 56 Luật Bảo vệ môi trường, UBND tỉnh có trách nhiệm bố trí ngân sách cho hoạt động BVMT làng nghề. Hiện nay, UBND tỉnh đang chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết hỗ trợ kinh phí cho hoạt động BVMT làng nghề. Theo đó, hàng năm UBND cấp xã tổng hợp nhu cầu kinh phí của địa phương cho hoạt động BVMT làng nghề (nếu có) để đề xuất trong dự toán ngân sách nhà nước cấp.

Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình đã ban hành Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 13/3/2026 quy định cơ quan thực hiện thu phí BVMT đối với khí thải và nước thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Theo đó, UBND tỉnh quyết định giao UBND cấp xã tổ chức thu phí BVMT nước thải công nghiệp đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xả vào nguồn tiếp nhận theo quy định của pháp luật về BVMT thuộc đối tượng đăng ký môi trường và các cơ sở phát sinh nước thải công nghiệp khác thuộc đối tượng nộp phí trên địa bàn quản lý theo quy định tại Nghị định số 346/2025/NĐ-CP ngày 29/12/2025 của Chính phủ quy định phí BVMT đối với nước thải, đây chính là một phần nguồn kinh phí đầu tư trở lại đối với các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường làng nghề.

2.4. Về quản lý chất lượng môi trường

a) Quản lý, cải thiện chất lượng môi trường nước

- Tăng cường kiểm tra, giám sát các cơ sở có khối lượng xả thải lớn, các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, kiên quyết xử lý đối với các hành vi xả nước thải gây ô nhiễm môi trường; thu hút các nhà đầu tư hạ tầng đối với các khu, cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động nhưng chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung hoặc tạo điều kiện để các nhà đầu tư đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của các khu, cụm công nghiệp khác; đầu tư xây dựng các công trình thu gom, xử lý nước thải tại khu vực đô thị và hệ thống thu gom nước thải tại khu vực nông thôn.

- Yêu cầu các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện các giải pháp xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu về môi trường trước khi xả thải; đôn đốc các cơ sở thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định, đến nay đã có 31 cơ sở lắp đặt và truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Triển khai thực hiện các dự án cấm mọc hành lang bảo vệ nguồn nước và công bố danh mục hồ, ao, đầm phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện quan trắc hiện trạng môi trường đối với các nguồn nước mặt có lưu lượng lớn hoặc tiếp nhận lượng nước thải công nghiệp, gần các khu dân cư; đánh giá, dự báo chất lượng môi trường nước mặt để làm cơ sở triển khai các dự án phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường nước mặt.

- Thường xuyên thực hiện quan trắc, kiểm soát chặt chẽ, ngăn ngừa, giảm thiểu các nguy cơ ô nhiễm môi trường đối với nước biển ven bờ và nước biển xa bờ.

b) Quản lý, cải thiện chất lượng không khí

- Tăng cường kiểm tra, giám sát các cơ sở phát sinh nhiều khí thải, bụi, nhất là các cơ sở thuộc đối tượng có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, kiên quyết xử lý đối với các hành vi xả khí thải gây ô nhiễm môi trường.

- Yêu cầu các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện các giải pháp xử lý bụi, khí thải đáp ứng yêu cầu về môi trường sử dụng tiết kiệm tài nguyên, nhất là các nguồn nhiên liệu hóa thạch; đôn đốc các cơ sở thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với khí thải và truyền dữ liệu theo quy định, đến nay đã có 25 cơ sở lắp đặt và truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Đầu tư xây dựng và cải thiện cơ sở hạ tầng giao thông, các công trình công cộng như vườn hoa, công viên; tăng cường trồng cây xanh tại nơi công cộng giảm thiểu ô nhiễm không khí.

- Thường xuyên thực hiện quan trắc, đánh giá chất lượng môi trường không khí tại các khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao để làm cơ sở triển khai các dự án phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường không khí.

Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Môi trường đang triển khai thực hiện nhiệm vụ "Xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Ninh Bình" để đảm bảo thực hiện mục tiêu về bảo vệ môi trường không khí.

2.5. Về quản lý chất thải

2.5.1. Chất thải rắn sinh hoạt

Hiện nay, lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn tỉnh khoảng 2.643 tấn/ngày, trong đó: Khu vực đô thị khoảng 1.153 tấn/ngày, được phân loại, thu gom, xử lý khoảng 1.105 tấn/ngày (đạt 96%); khu vực nông thôn khoảng 1.481 tấn/ngày, được phân loại, thu gom, xử lý khoảng 1.345 tấn/ngày (đạt 91%).

Chất thải chủ yếu được xử lý tại các khu xử lý cấp tỉnh, gồm: Nhà máy xử lý chất thải rắn Ninh Bình tại phường Trung Sơn (500 tấn/ngày), Công ty cổ phần môi trường Thanh Thủy tại xã Tân Thanh (240 tấn/ngày), Công ty cổ phần môi trường Hà Nam tại xã Tân Thanh (96 tấn/ngày), Công ty cổ phần môi trường Nam Định (320 tấn/ngày), còn lại được xử lý tại các bãi chôn lấp, lò đốt rác tại các xã.

2.5.2. Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTR CNTT)

Năm 2025, tổng khối lượng CTR CNTT được thu gom, xử lý trên địa bàn tỉnh khoảng 7.297.902 tấn; khối lượng CTR CNTT được thu gom để tái sử dụng, tái chế là 656.810 tấn/năm; khối lượng CTR CNTT được tiêu hủy (đốt, ...) là 6.495.133 tấn/năm. Ước tính từ tháng 01 đến tháng 4 năm 2026, khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 2.432.000 tấn.

Về cơ bản, chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh đã được các cơ sở thu gom, xử lý theo quy định.

2.5.3. Quản lý chất thải nguy hại (CTNH)

Năm 2025, tổng khối lượng CTNH được thu gom trên địa bàn tỉnh Ninh Bình là 10.638,4 tấn của 544 chủ nguồn thải CTNH; chất thải y tế nguy hại được thu gom trên địa bàn tỉnh là 450,6 tấn của 443 chủ nguồn thải có phát sinh chất thải y tế nguy hại. Ước tính từ tháng 01 đến tháng 4 năm 2026, khối lượng CTNH phát sinh từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khoảng 3.546 tấn, CTNH phát sinh từ các cơ sở y tế khoảng 150,2 tấn.

Các cơ sở xử lý CTNH: Trên địa bàn tỉnh Ninh Bình có 03 cơ sở xử lý CTNH là Công ty cổ phần Đầu tư và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường ETC có địa chỉ tại đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, phường Đông A, tỉnh Ninh Bình (*Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép môi trường số 456/GPMT-BTNMT ngày 29/10/2024*); Công ty CP kim loại màu Phúc Hưng tại KCN Khánh Phú, phường Đông Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình (*Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép xử lý CTNH có Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.138.VX cấp lần đầu ngày 26/5/2021*); Công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn tại địa bàn phường Lý Thường Kiệt, tỉnh Ninh Bình được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép môi trường số 291/GPMT-BTNMT ngày 07/11/2022 trong đó có hoạt động đồng xử lý CTNH trong lò nung xi măng.

2.6. Về ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính, kiểm kê phát thải khí nhà kính

- Đề cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác chủ động ứng phó với BĐKH, bảo vệ môi trường, các tỉnh trước khi sáp nhập đã ban hành các chương trình hành động, kế hoạch, văn bản chỉ đạo tạo môi trường pháp lý để thực hiện các nhiệm vụ đề ra trong Nghị quyết số 24-NQ/TW, Nghị quyết số 06/NQ-CP, Kết luận số 81-KL/TW.

- Sau khi sáp nhập tỉnh

+ Phối hợp tổ chức 01 hội nghị tập huấn hướng dẫn trách nhiệm quản lý nhà nước về BVMT cho lãnh đạo và công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh; 01 hội nghị tập huấn, tăng cường kết nối về BVMT, quản lý và sử dụng đất liên quan đến BVMT, thích ứng với biến đổi khí hậu, sản xuất và tiêu dùng bền vững trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích các cơ sở tái sử dụng chất thải rắn, sử dụng nguyên liệu sinh khối như: Sản xuất viên nén gỗ, mùn cưa, viên ép trấu, làm nguyên liệu sản xuất...

+ Phối hợp với Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường tổ chức 01 Hội nghị “Tập huấn về BVMT cho các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp khu vực Bắc, Trung, Nam” năm 2025 tại tỉnh Ninh Bình. Phối hợp với Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh tập huấn 05 Hội nghị về công tác BVMT cho các cấp hội tại các phường, xã trên địa bàn tỉnh.

+ Tổ chức 04 hội nghị tập huấn công tác BVMT đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

+ Phối hợp với Viện Nghiên cứu tăng trưởng xanh (AGG) triển khai các nội dung Chương trình “Vì Môi trường xanh quốc gia”; tổ chức hội nghị đào tạo “Hành trình đến Net-zero”; tổ chức khảo sát, đánh giá và công bố doanh nghiệp ESG xanh quốc gia và truyền thông về môi trường xanh quốc gia; tổ chức khóa đào tạo về phương pháp xác định và báo cáo phát thải khí nhà kính theo TCVN ISO 14064-1:2018 cho các doanh nghiệp phát thải khí nhà kính phải kiểm kê khí nhà kính trên địa bàn tỉnh.

- Ninh Bình đã chủ động phối hợp với các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi Chính phủ trong tham gia và thực hiện các điều ước quốc tế, hợp tác ứng phó với BĐKH, quản lý tài nguyên và BVMT; xây dựng và đề xuất các chương trình, dự án kêu gọi tài trợ của các đối tác nước ngoài để tiếp cận công nghệ mới và chủ động nắm bắt thời cơ cho hoạt động thích ứng và giảm nhẹ tác động của BĐKH. Thời gian qua, tỉnh đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Trung ương, các tổ chức quốc tế để thực hiện các dự án hợp tác quốc tế, điển hình như:

+ Dự án Rừng và Đồng bằng Việt Nam (VFD) do Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tài trợ, tỉnh Nam Định (cũ) triển khai các nội dung và hoạt động của Hợp phần Thích ứng BĐKH. Dự án đã góp phần quan trọng nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền, các tổ chức và người dân tỉnh Nam Định về BĐKH, từ đó hướng người dân vào việc thực hiện các biện pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai, BVMT sinh thái và sản xuất bền vững, giảm phát thải. Đồng thời dự án đã giúp các xã tham gia có điều kiện nâng cao khả năng ứng phó với thiên tai thông qua việc hỗ trợ các

cơ sở hạ tầng như nhà tránh trú bão, nâng cấp hệ thống cảnh báo sớm, cung cấp các thiết bị cứu hộ cứu nạn và hỗ trợ thực hiện các hoạt động diễn tập ứng phó với các tình huống thường xảy ra tại địa phương. Dự án đã kết thúc năm 2018.

+ Dự án Giảm sóng ổn định bãi và trồng rừng ngập mặn bảo vệ Nam Côn Xanh huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định: Nguồn vốn ngân sách Trung ương của Chương trình hỗ trợ ứng phó BĐKH (SP-RCC), bao gồm phần vốn nước ngoài (giải ngân ODA); ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác. Đến hết 3/2016 đã thi công trồng rừng xong toàn bộ khối lượng dự án (70,71ha); đến 05/10/2016, đã nghiệm thu xong các khối lượng công việc thực hiện.

+ Dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển tỉnh Nam Định giai đoạn 2015 - 2020: Nguồn vốn ngân sách Trung ương của Chương trình hỗ trợ ứng phó BĐKH (SP-RCC), bao gồm phần vốn nước ngoài (giải ngân ODA); ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác. Đến 30/6/2018, đã thi công trồng rừng xong toàn bộ khối lượng dự án (141,07ha); đến tháng 12/2018 đã nghiệm thu xong các khối lượng công việc thực hiện.

+ Dự án Hỗ trợ nông nghiệp Cacbon thấp (LCAPS): Nguồn vốn vay Ngân hàng Châu Á (ADB). Dự án đã nghiên cứu, triển khai hiệu quả trên 168 mô hình quản lý toàn diện chất thải chăn nuôi chống quá tải hàm khí sinh học (mô hình nhà ủ phân, mô hình kết hợp bể lắng tách chất rắn trước hầm biogas kết hợp ủ phân compost, mô hình ủ phân hữu cơ kết hợp nuôi giun xử lý chất thải chăn nuôi; mô hình chăn nuôi lợn tiết kiệm nước, mô hình bể lắng sau biogas kết hợp tưới cây rau màu và cây dược liệu). Thí điểm 07 mô hình sử dụng máy tách phân, sản xuất phân hữu cơ từ chất thải chăn nuôi; 02 mô hình tách phân kết hợp máy phát điện sử dụng khí sinh học. Tổ chức trên 300 lớp tập huấn cho trên 10 ngàn lượt nông dân về kỹ thuật quản lý, xử lý chất thải chăn nuôi đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Dự án kết thúc năm 2020.

+ Dự án “Tăng cường khả năng chống chịu với BĐKH cho các cộng đồng dân cư dễ bị tổn thương ven biển Việt Nam” do Quỹ Khí hậu xanh (GCF) viện trợ không hoàn lại.

- Về tiếp nhận, rà soát và tổng hợp kết quả kiểm kê khí nhà kính: Căn cứ Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg ngày 13/8/2024 Thủ tướng Chính phủ, trên địa bàn tỉnh Ninh Bình sau sáp nhập có 80 cơ sở phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính. Đến nay, đã thực hiện tiếp nhận, thẩm định, rà soát báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính đối với 70/80 cơ sở, và đã có 60/70 cơ sở đã hoàn thiện báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính và được thông báo kết quả thẩm định, rà soát; 10/70 cơ sở đang hoàn thiện báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính. Đối với các cơ sở phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh chưa thực hiện việc xây dựng, nộp báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính, tỉnh thường xuyên đôn đốc các cơ sở xây dựng và hoàn thiện Báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính, tuy nhiên, đến nay còn 10/80 cơ sở chưa hoàn thành việc lập, nộp báo cáo kiểm kê khí nhà kính; dự kiến sẽ tổ chức làm việc trực tiếp với 10 cơ sở trên để hướng dẫn, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện xây dựng,

hoàn thiện Báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính.

2.7. Về quan trắc môi trường, quan trắc tự động nước thải, khí thải

Định kỳ, hàng năm UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức triển khai kế hoạch và thực hiện quan trắc môi trường định kỳ đối với môi trường nước mặt, nước ngầm, không khí, đất và theo dõi số liệu các trạm quan trắc tác động môi trường không khí xung quanh, các trạm quan trắc tự động nước thải, khí thải của các đối tượng phải lắp đặt trạm quan trắc tự động, liên tục và truyền dữ liệu trực tiếp về Sở Nông nghiệp và Môi trường. Từ số liệu quan trắc môi trường làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách, chỉ đạo, điều hành của cơ quan quản lý nhà nước và cảnh báo về chất lượng môi trường cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

Trên địa bàn tỉnh hiện có 54 doanh nghiệp thực hiện quan trắc tự động, liên tục; trong đó đã tiếp nhận chính thức dữ liệu của 49 doanh nghiệp, có 03 doanh nghiệp đang truyền thử (Công ty Môi trường Châu Sơn - KCN Châu Sơn, KCN Mỹ Thuận và KCN Phúc Sơn), 02 doanh nghiệp mất kết nối (*Nhà máy xử lý nước thải thành phố Ninh Bình mất kết nối từ tháng 5/2024; Công ty xi măng Hệ Dưỡng mất kết nối từ tháng 7/2023 do dừng hoạt động*). Có 29 doanh nghiệp quan trắc tự động, liên tục nước thải; 22 doanh nghiệp quan trắc tự động, liên tục khí thải; 03 doanh nghiệp quan trắc tự động nước thải và khí thải.

Công tác quản lý, theo dõi hệ thống quan trắc tự động, liên tục và đôn đốc các doanh nghiệp tuân thủ quy định của pháp luật về quan trắc tự động, liên tục được thực hiện thường xuyên; các đơn vị đang lắp hệ thống quan trắc tự động liên tục đã chấp hành nghiêm túc, tỷ lệ truyền nhận dữ liệu đều đạt trên 80% đáp ứng theo Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

(Thông tin chi tiết về các cơ sở thực hiện quan trắc tự động liên tục theo Phụ lục VI gửi kèm)

2.8. Về thực hiện quy định về tái chế, tái sử dụng chất thải, phát triển kinh tế tuần hoàn

* Đối với hoạt động tái chế, tái sử dụng chất thải rắn sinh hoạt

- Ninh Bình đã ban hành Đề án thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030 và chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng Đề án phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh.

- Năm 2025, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được tái chế, tái sử dụng khoảng 55.850 tấn; khối lượng sản xuất mùn, phân compost, thức ăn chăn nuôi khoảng 182.500 tấn; khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom để tái sử dụng, tái chế khoảng 656.810 tấn. Một số đơn vị, doanh nghiệp trong các KCN đã thực hiện phân loại và xử lý rác thải sinh hoạt tại nguồn (Công ty Honda Việt Nam – KCN Đồng Văn II xử lý rác hữu cơ khoảng 1,5 tấn/ngày).

* Đối với hoạt động tuần hoàn, tái sử dụng nước thải

- Trên địa bàn tỉnh có nhiều doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng nước lớn đã tuần hoàn, tái sử dụng nước thải sau xử lý để phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất nhằm tiết kiệm tài nguyên nước, giảm chi phí hoạt động sản xuất; cụ thể: Các doanh nghiệp trong KCN Bảo Minh (*Công ty TNHH may mặc Junzhen tái sử dụng 38% nước thải khoảng 750 m³/ngày; Công ty TNHH Padmac tái sử dụng 28% nước thải khoảng 500 m³/ngày; Công ty CP dệt nhuộm Hải Minh tái sử dụng 20% nước thải khoảng 1.500 m³/ngày*); các doanh nghiệp tại KCN Tam Điệp (*Công ty TNHH Giày Adora Việt Nam tái sử dụng 100% nước thải tương ứng với 750 m³/ngày; Công ty TNHH thương mại dịch vụ và công nghệ Hòa Bình Xanh tái sử dụng 60% nước thải ứng với 138 m³/ngày*); tại KCN Hòa Xá (*Công ty TNHH dệt may Guan Qun (Việt Nam) tái sử dụng 60% nước thải khoảng 30 m³/ngày; Công ty TNHH Youngone Nam Định tái sử dụng 70% nước thải khoảng 2.700 m³/ngày; Công ty CP TCE Vina Denim tái sử dụng 50% nước thải khoảng 200 m³/ngày.đêm*); tại KCN Đồng Văn II (*Công ty Honda Việt Nam tái sử dụng 72,5% nước thải khoảng 450 m³/ngày*); Công ty TNHH sản xuất giày Chung Jye Ninh Bình - Việt Nam (CCN Khánh Nhạc) tái sử dụng khoảng 60 m³/ngày;...

- Ngoài ra, một số doanh nghiệp còn tái sử dụng nước từ hoạt động xử lý nước RO (*Công ty TNHH khoa học kỹ thuật AVC Việt Nam tái sử dụng khoảng 450 m³/ngày; Công ty TNHH khoa học kỹ thuật Tonghe Vina tái sử dụng 87 m³/ngày...*) hoặc một số doanh nghiệp sử dụng nguồn năng lượng thay thế (*lắp đặt hệ thống điện mặt trời*) hoặc chuyển đổi từ việc sử dụng nhiên liệu là than, củi sang sử dụng gas, điện, dầu DO để vận hành lò hơi, vừa tiết kiệm chi phí, vừa giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

* Về phát triển kinh tế tuần hoàn

- Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp phát triển năng lượng sạch, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và các giải pháp công nghệ đột phá trong tương lai đồng thời bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.

- Từ năm 2021 đến 20/12/2025, Sở Công Thương đã cấp 27 giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ.

- Thực hiện Quyết định số 1488/QĐ-TTg ngày 29/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng đến năm 2030, Ninh Bình đã chỉ đạo các sở, ngành liên quan triển khai hướng dẫn đến các doanh nghiệp sản xuất xi măng trên địa bàn tỉnh áp dụng thực hiện các giải pháp tận dụng nhiệt khí thải trong các nhà máy xi măng để phát điện giúp tiết kiệm năng lượng, giảm chi phí, giảm ô nhiễm môi trường. Đến nay, trên địa bàn tỉnh đã có 08 nhà máy xi măng¹ thực hiện hiệu quả nội dung trên.

2.9. Tổ chức điều tra, thống kê, cập nhật hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về

¹ Công ty CP xi măng Vissai Hà Nam, Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn, Công ty CP xi măng Thành Thắng Group, Công ty CP xi măng Xuân Thành, Công ty CP xi măng Long Thành, Công ty CP xi măng Vissai Ninh Bình, Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Tam Điệp, Công ty CP xi măng Hướng Dương.

môi trường, báo cáo môi trường theo quy định của pháp luật

Ninh Bình đã ban hành Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 23/4/2026 về Chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026 - 2030, giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, là đầu mối tổng hợp các nội dung, nhiệm vụ chuyển đổi số và giao các Sở chuyên ngành chủ trì toàn diện việc xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số chuyên ngành.

Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Văn bản đăng ký thực hiện đề án “Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường” thực hiện trong năm 2026 - 2027. Trong đó có nội dung cập nhật, tích hợp cơ sở dữ liệu về đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và thủ tục hành chính khác của đối tượng được phân cấp vào cơ sở dữ liệu môi trường cấp tỉnh.

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh phần lớn hàng năm đều có báo cáo công tác bảo vệ môi trường của cơ sở, số liệu tổng hợp từ 01/01 đến 31/12 hàng năm gửi UBND cấp xã, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị liên quan để tổng hợp báo cáo, theo dõi.

Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã định kỳ báo cáo công tác BVMT của ngành, địa phương quản lý, số liệu tổng hợp từ 01/01 đến 31/12 năm gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo trước 15/01 hàng năm. Năm 2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổng hợp và xây dựng báo cáo công tác BVMT trên địa bàn tỉnh năm 2025 tại Báo cáo số 884/BC-SNNMT ngày 23/01/2026.

2.10. Công tác thanh, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về BVMT năm 2025

Công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra môi trường là công tác quan trọng trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về BVMT của tỉnh nhằm ngăn chặn, phòng ngừa và xử lý nghiêm các cơ sở vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

* Năm 2025

- Trước sáp nhập tỉnh

+ 03 tỉnh cũ đã phê duyệt Kế hoạch kiểm tra định kỳ việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường năm 2025. Đã tổ chức kiểm tra và thông báo kết quả kiểm tra của 14/27 cơ sở trên địa bàn tỉnh Nam Định cũ.

+ Trong quá trình kiểm tra, giải quyết thủ tục hành chính, kiến nghị, phản ánh đã xử lý vi phạm hành chính đối với 03 cơ sở tổng số tiền 565 triệu đồng.

- Sau khi hợp nhất 03 tỉnh

+ Sở Nông nghiệp và Môi trường đã thực hiện kiểm tra định kỳ 17/17 cơ sở. Trong quá trình kiểm tra, giải quyết thủ tục hành chính, kiến nghị, phản ánh đã xử lý vi phạm hành chính đối với 17 cơ sở với tổng số tiền 4.999 triệu đồng.

+ Công an tỉnh, các đơn vị Công an trong tỉnh đã tập trung lực lượng, phòng ngừa, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong lĩnh vực môi trường. Trong năm 2025, lực lượng cảnh sát kinh tế, môi trường Công an tỉnh Ninh Bình đã phát hiện, xử lý 374 vụ vi phạm pháp luật về môi trường, trong đó: Khởi tố 11

vụ, 15 bị can về tội “Gây ô nhiễm môi trường”, xử phạt vi phạm hành chính 363 vụ với tổng số tiền 2.329 triệu đồng.

* Năm 2026: Tổ chức thực hiện Kế hoạch kiểm tra định kỳ và theo chỉ đạo, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã thực hiện kiểm tra đối với 17/17 cơ sở.

Đồng thời, trong quá trình kiểm tra, giải quyết thủ tục hành chính, kiến nghị, phản ánh đã xử lý vi phạm hành chính đối với 09 cơ sở với tổng số tiền là 1.828 triệu đồng.

3. Khó khăn, vướng mắc, tồn tại và nguyên nhân

3.1. Khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế

- Về nhận thức của người dân, doanh nghiệp trong công tác BVMT

+ Việc tuân thủ các quy định về BVMT của một số chủ cơ sở còn hạn chế, đôi khi còn mang tính hình thức, đối phó: Chưa đầu tư xây dựng đúng mức các công trình BVMT đảm bảo theo quy định; chưa thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về BVMT.

+ Ý thức của người dân trong công tác BVMT chưa cao, vẫn còn tình trạng vứt rác chưa đúng nơi quy định đặc biệt là khu vực nông thôn; thực hiện việc phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn chưa thường xuyên; vẫn còn tình trạng đốt phụ phẩm nông nghiệp sau thu hoạch làm ảnh hưởng tới môi trường.

- Đối với công tác kiểm soát ô nhiễm bụi, đặc biệt là bụi mịn

+ Hệ thống hạ tầng giao thông khu vực Tây Đáy thuộc địa phận Hà Nam cũ nơi tập trung nhiều cơ sở khai thác và chế biến vật liệu xây dựng (*ĐT 494C và các tuyến đường dùng chung trong khu vực mỏ*) xuống cấp gây ảnh hưởng lớn quá trình vận chuyển, gia tăng phát thải bụi. Nồng độ bụi khu vực phía Tây sông Đáy đã giảm mạnh, song vẫn tồn tại một số ít điểm nồng độ bụi còn vượt so với quy chuẩn cho phép.

+ Vẫn còn tình trạng xe vận chuyển vật liệu xây dựng qua địa bàn tỉnh chở vượt tải trọng, che phủ không đảm bảo làm rơi vãi vật liệu ra đường khi vận chuyển gây gia tăng bụi ảnh hưởng tới môi trường không khí.

- Các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 64/QĐ-TTg và Quyết định số 1788/QĐ-TTg của Chính phủ chưa được xử lý triệt để: Khối lượng rác thải sinh hoạt tồn khoảng 60.000 tấn tại thung Đám Gai, xã Tân Thanh; Làng nghề Nha Xá, phường Duy Tân và Bãi rác thung Quèn Khó, phường Trung Sơn.

- Đối với công tác quản lý môi trường làng nghề

+ Việc đầu tư xây dựng các hệ thống xử lý nước thải làng nghề tập trung gặp khó khăn do các cơ sở sản xuất, các hộ gia đình làm nghề nằm xen kẽ trong khu dân cư, diện tích chật hẹp gây khó khăn trong việc bố trí không gian xây dựng hệ thống xử lý nước thải hoặc hệ thống thu gom.

+ Hạ tầng thu gom, thoát nước thải trong làng nghề chưa được tách riêng, chưa được đầu tư đồng bộ về cốt nền đảm bảo thu gom toàn bộ nước thải trong

làng nghề do các làng nghề chủ yếu tại khu vực nông thôn.

+ Thiếu kinh phí vận hành hệ thống xử lý nước thải sau xây dựng, do chi phí vận hành hệ thống xử lý nước thải tương đối lớn (*nước thải làng nghề dệt nhuộm Hoà Hậu kinh phí xử lý là 50.000 - 60.000 đồng/m³ nước thải; nước thải làng nghề đúc, tái chế kim loại (nhôm) Bình Yên kinh phí xử lý khoảng 500.000 - 600.000 đồng/m³ nước thải*).

+ Công nghệ sản xuất tại các làng nghề rất lạc hậu, chủ yếu hoạt động thủ công, nhận thức của các hộ làm nghề về bảo vệ môi trường chưa cao.

- Đối với công tác quản lý môi trường tại các CCN cũ chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung

+ Các CCN này chủ yếu hình thành trước khi có các quy định về BVMT tại các CCN theo quy định hiện hành, chủ yếu là các CCN do nhà nước đầu tư hiện đang giao cho UBND cấp xã quản lý và huy động xã hội hóa.

+ Các CCN tồn tại chưa có HTXL nước thải tập trung chủ yếu là các CCN có hoạt động sản xuất chủ yếu phát sinh nước thải sinh hoạt, khối lượng phát sinh rất ít (< 05 m³/ngày.đêm/cơ sở); không còn hoặc không đủ diện tích để đầu tư HTXL nước thải tập trung.

+ Nhiều CCN hiện nay diện tích < 10ha, không còn đủ điều kiện là CCN theo quy định hiện hành, nhưng chưa có quy định, cơ chế công nhận các CCN này không còn quy mô CCN.

- Đối với công tác bảo vệ môi trường nước mặt: Tỉnh Ninh Bình là cuối nguồn của lưu vực sông Nhuệ - Đáy, chịu ảnh hưởng bởi nước thải chưa xử lý triệt để của thành phố Hà Nội gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn toàn tỉnh.

- Đối với công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt

+ Việc thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn đã được thực hiện tại các hộ gia đình trên địa bàn tỉnh, chủ yếu là rác thải có khả năng tái chế; rác thải hữu cơ chủ yếu được phân loại tại các khu vực nông thôn, tuy nhiên số hộ duy trì được công tác phân loại rác thải tại nguồn chưa cao.

+ Cơ sở hạ tầng phục vụ công tác thu gom, bóc xúc, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt sau khi phân loại chưa được đầu tư đồng bộ (điểm tập kết riêng, xe vận chuyển riêng, phương thức xử lý riêng cho từng loại rác thải sau phân loại). Hoạt động tái chế chất thải rắn sinh hoạt còn mang tính nhỏ lẻ, tự phát, chủ yếu vẫn được thực hiện bởi các làng nghề hoặc các cơ sở tự phát trong khu dân cư tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

+ Tại một số khu vực, rác khi đưa về các nhà máy xử lý thì tất cả các loại rác thải đều được xử lý bằng phương pháp đốt, do các nhà máy xử lý rác chưa đầu tư được dây chuyền sản xuất, tái chế đồng bộ với chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại, vì vậy khó hình thành được thói quen phân loại rác tại hộ gia đình, cá nhân.

- Đối với vận hành hệ thống quan trắc tự động, liên tục: Sau sáp nhập, hiện nay

vẫn tồn tại 03 hệ thống đường truyền dữ liệu độc lập của các trạm quan trắc tự động, gây khó khăn cho công tác quản lý. Các doanh nghiệp ngừng hoạt động, hoặc bị ngắt đường truyền do không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục nhưng vẫn tồn tại trên hệ thống truyền dữ liệu do chưa có quy định về loại bỏ ra khỏi hệ thống.

3.2. Nguyên nhân

- Quá trình phát triển kinh tế - xã hội mạnh mẽ trên địa bàn tỉnh đã và đang gây sức ép lớn tới công tác bảo vệ môi trường.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường còn thiếu về số lượng, chất lượng, chưa đáp ứng được các yêu cầu (nhất là ở cấp xã sau sáp nhập) so với khối lượng công việc lớn, tính chất của các vụ việc về môi trường ngày càng phức tạp, mang tính liên vùng.

- Một số doanh nghiệp, tổ chức có công nghệ cũ, lạc hậu, chấp vá, không đồng bộ, sản xuất kém hiệu quả rất khó khăn trong việc cải tạo, đầu tư nâng cấp để giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Ý thức, trách nhiệm của một số doanh nghiệp còn hạn chế, chưa thực hiện đầy đủ các giải pháp bảo vệ môi trường, không vận hành thường xuyên các công trình bảo vệ môi trường; chưa chú trọng bố trí nguồn lực đầu tư nâng cấp công nghệ sản xuất theo hướng hiện đại, thân thiện với môi trường.

- Chưa hình thành được các cơ chế khuyến khích, ưu đãi để tăng nguồn lực hội hóa trong công tác bảo vệ môi trường.

- Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về BVMT đã được chú trọng thực hiện thường xuyên, tuy nhiên kết quả đem lại chưa thực sự như kỳ vọng.

- Việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường còn nhiều đầu mồi. Ngân sách nhà nước ở địa phương mới chỉ phân bổ kinh phí sự nghiệp môi trường cho các hoạt động BVMT ở đô thị, hỗ trợ bốc xúc, thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt. Chi các nhiệm vụ khác như điều tra cơ bản, dự án về BVMT còn ít, chưa tương xứng với các yêu cầu chung. Việc huy động các nguồn vốn đầu tư cho xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung khu vực đô thị, CCN, làng nghề còn nhiều khó khăn.

III. Đề xuất, kiến nghị hoàn thiện hệ thống pháp luật về BVMT

1. Đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật về BVMT (Luật và các văn bản dưới luật)

- Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật BVMT dự kiến sửa đổi, bổ sung 71/171 Điều của Luật BVMT, đồng thời Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật lĩnh vực nông nghiệp và Môi trường đã sửa đổi, bổ sung 35/171 Điều của Luật BVMT năm 2020. Vì vậy, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường nghiên cứu tham mưu Chính phủ trình Quốc hội Luật BVMT thay thế Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 để tạo sự thống nhất, thuận lợi cho quá trình triển khai thực hiện.

- Hiện nay, việc phân chia nhóm dự án thành dự án đầu tư nhóm I, II, III (*quy*

định tại khoản 3, 4, 5 Điều 28 Dự thảo) theo các tiêu chí về môi trường (*quy định tại khoản 1 Điều 28 Dự thảo*) để xác định đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, đăng ký môi trường. Việc tra cứu thủ tục môi trường cần phải thực hiện của dự án, cơ sở ngoài việc căn cứ các tiêu chí về môi trường cần phải căn cứ nhiều Luật, cụ thể:

+ Tại điểm c khoản 1 Điều 28 (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Dự thảo*) quy định: Yếu tố nhạy cảm về môi trường là mức độ chiếm dụng các khu vực bao gồm “*khu bảo tồn thiên nhiên, vùng đất ngập nước quan trọng theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, thủy sản; các loại rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp; di sản văn hóa vật thể, di sản thiên nhiên khác và yếu tố nhạy cảm khác về môi trường*”: Khi tra cứu yếu tố nhạy cảm môi trường phải tra cứu Luật Đa dạng sinh học, Luật Thủy sản, Luật Lâm nghiệp, Luật Di sản văn hoá.

+ Tại điểm b khoản 3, điểm c khoản 4 Điều 28 (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Dự thảo*): Quy định về dự án khai thác khoáng sản nhóm I (*thuộc dự án nhóm I theo pháp luật Bảo vệ môi trường*) và các dự án khai thác khoáng sản thuộc trường hợp phải cấp giấy phép khai thác khoáng sản ***theo quy định của pháp luật về khoáng sản (thuộc dự án nhóm II theo pháp luật bảo vệ môi trường)***: Phải tra cứu thêm Luật Địa chất và khoáng sản.

+ Đối với các Văn bản hướng dẫn luật hiện hành: Phải căn cứ Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công để tra cứu dự án tương đương nhóm A, B hay C theo loại hình dự án và tổng mức đầu tư; Luật Khoáng sản và Luật Tài nguyên nước để tra cứu dự án khai thác tài nguyên, khoáng sản thuộc cấp Bộ Nông nghiệp và Môi trường hay cấp tỉnh cấp phép (*theo quy định tại các phụ lục II, III, IV, V của Nghị định 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 05/2025/NĐ-CP và Nghị định 48/2025/NĐ-CP*)... và các Luật sửa đổi, bổ sung vì vậy gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp tra cứu và cơ quan quản lý nhà nước về môi trường sẽ mất nhiều thời gian hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện.

- Xem xét bổ sung quy định cụ thể về việc phân cấp, ủy quyền thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp điều chỉnh, thu hồi giấy phép môi trường của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Hiện nay, Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung khối lượng phân cấp, ủy quyền từ trung ương xuống địa phương tương đối lớn, đồng thời giảm nhiều đối tượng phải thực hiện thủ tục hành chính về môi trường (*đối tượng ĐTM, cấp giấy phép môi trường*) nhưng không có quy định rõ về phạm vi phân cấp, ủy quyền, trách nhiệm của Bộ trong công tác bảo vệ môi trường đối với các đối tượng được phân cấp, ủy quyền và cách thức kiểm soát đối với các đối tượng không phải thực hiện thủ tục môi trường để đảm bảo không làm suy giảm hiệu lực quản lý nhà nước và trách nhiệm bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân.

- Bổ sung quy định cụ thể về tái sử dụng chất thải sau xử lý để phục vụ hoạt động sản xuất trực tiếp hoặc nguồn nguyên liệu của các đơn vị sản xuất khác, cụ thể:

+ Tái sử dụng nước thải sau xử lý (*bao gồm cả nước thải sinh hoạt, nước thải*

công nghiệp) cho một số mục đích: Tưới cây, tưới nước giảm thiểu bụi trong phạm vi các dự án, cơ sở (*hiện nay mới có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chẵn nuôi sử dụng cho cây trồng, còn các loại nước thải khác sau xử lý không có quy định cụ thể*).

+ Tái sử dụng trực tiếp vải vụn để tiếp tục sản xuất sợi.

+ Bùn thải từ quá trình xử lý nước cấp (*Công ty TNHH dệt Hải Minh, Công ty TNHH MTV đạm Ninh Bình*) được phép làm nguyên liệu sản xuất trực tiếp như: Làm vật liệu san lấp hoặc nguyên liệu cho sản xuất gạch nung truyền thống.

- Bổ sung quy định cụ thể về việc thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường sau hoạt động khai thác khoáng sản tại các khu vực được quy hoạch sau khai thác là khu vực sản xuất công nghiệp hoặc phát triển du lịch.

- Đề nghị bổ sung quy định về việc tiếp nhận đăng ký môi trường cấp tỉnh, cấp xã: Khi chủ đầu tư của dự án/cơ sở nộp đăng ký môi trường đến cơ quan có thẩm quyền thì cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm phải rà soát, xem xét các nội dung đề xuất phương án, công trình bảo vệ môi trường trong đăng ký môi trường và có văn bản đồng ý tiếp nhận đăng ký môi trường.

2. Đề xuất, góp ý dự thảo Luật BVMT

2.1. Những nội dung góp ý của địa phương chưa được tiếp thu, giải trình

- Đề nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu, đề xuất cụ thể danh mục dự án phải thực hiện thủ tục ĐTM, GPMT, đăng ký môi trường để cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp dễ dàng xác định được loại thủ tục môi trường phải thực hiện khi đề xuất dự án hoặc điều chỉnh dự án đầu tư của cơ sở.

- Tại khoản 3 Điều 1 Dự thảo Luật (chỉnh sửa Điều 5 Luật Bảo vệ môi trường): “Đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường; bố trí khoản chi riêng cho bảo vệ môi trường trong ngân sách nhà nước với tỷ lệ tăng dần theo khả năng của ngân sách nhà nước và yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ môi trường, mức chi không thấp hơn 2% tổng chi ngân sách trung ương và địa phương...”. Đề nghị bổ sung thêm mức chi cụ thể cho bảo vệ môi trường.

- Sửa tên của khoản 7 Điều 1 Dự thảo Luật: “Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 14 như sau” thành “Sửa đổi khoản 2 Điều 14 như sau”, lý do: Khoản 2 Điều 14 chỉ sửa đổi, không có nội dung bổ sung thêm; khoản 3 Điều 14 vẫn đang giữ nguyên theo Luật Bảo vệ môi trường (*không sửa đổi, bổ sung thêm nội dung*).

- Tại khoản 12 Điều 1 Dự thảo Luật:

+ Tại khoản 3 Điều 28 có ghi “Dự án đầu tư nhóm I là dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao, bao gồm:.....”. Đề nghị bổ sung quy định đối với “Dự án đầu tư nhóm II là dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ trung bình”.

+ Đưa điểm đ, e khoản 4 lên khoản 3 Điều 28: “Các dự án lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu” và “dự án khai thác tài nguyên nước để phát điện” đưa từ dự án

nhóm II lên dự án nhóm I vì đây là những dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao.

+ Tại khoản 5 Điều 28. Dự án đầu tư nhóm III là dự án ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, gồm dự án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này. Chủ dự án đầu tư nhóm III phải thực hiện đăng ký môi trường theo quy định tại Điều 49 Luật này, trừ trường hợp dự án thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường và *chủ dự án đầu tư đề nghị cấp giấy phép môi trường trước khi triển khai thực hiện dự án* hoặc trường hợp được miễn đăng ký môi trường theo quy định. Đề nghị bỏ nội dung “**chủ dự án đầu tư đề nghị cấp giấy phép môi trường trước khi triển khai thực hiện dự án**” do đang mâu thuẫn quy định tại khoản 2 Điều 42 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 25 Điều 1 Dự thảo.

2.3. Kiến nghị các nội dung cần tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung và quy định cụ thể trong dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT

- Đề nghị bổ sung quy định rõ đối tượng cấp giấy phép môi trường theo trình tự, thủ tục rút gọn và đầy đủ, tương tự đối tượng phải đánh giá môi trường chi tiết và đánh giá tác động môi trường đơn giản.

- Tại khoản 23 Điều 1 Dự thảo Luật: Bổ sung đối tượng không phải cấp giấy phép môi trường “các dự án chỉ có bố trí tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư xây dựng” vào khoản 3 Điều 39.

- Đề nghị làm rõ việc “chỉ” hội đồng thẩm định, Đoàn kiểm tra, xin ý kiến chuyên gia đối với việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước (*không phải nộp phí thẩm định theo quy định tại khoản 9 Điều 34 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18 Điều 1 Dự thảo*) và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp, điều chỉnh giấy phép môi trường (*không phải nộp phí quy định tại khoản 1 Điều 45 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 28 Điều 1 Dự thảo*).

- Dự thảo Luật cần bổ sung quy định mới về "Cơ chế tài chính đặc thù" đối với vận hành trạm xử lý nước thải tập trung của làng nghề. Trong đó, cho phép sử dụng nguồn thu từ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải của các hộ trong làng nghề để tái đầu tư trực tiếp cho vận hành hệ thống xử lý chung.

- Tại khoản 42, 45 Điều 1 Dự thảo Luật: Về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, đề nghị bổ sung quy định cụ thể về cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các xã trong việc đầu tư hạ tầng điểm tập kết, trạm trung chuyển rác thải sau khi phân loại để đảm bảo tính đồng bộ của quy trình.

- Tại khoản 42 Điều 1 (sửa đổi Điều 75) Dự thảo: Hiện nay đang đề xuất 02 phương án phân loại chất thải rắn sinh hoạt (Phương án 1 giữ nguyên 03 nhóm: tái chế, phẩm, chất thải rắn sinh hoạt khác; phương án 2 rút gọn còn 02 nhóm: tái chế và chất thải rắn sinh hoạt khác). Với thực trạng hạ tầng thu gom, xử lý sau phân loại tại Ninh Bình hiện nay chưa đồng bộ, tình ủng hộ phương án 02. Lý do: Phù hợp với điều kiện thực tế về hạ tầng thu gom rác thải, phần lớn các nhà máy xử lý có công nghệ đốt (*chưa đầu tư công nghệ xử lý rác hữu cơ*). Tuy nhiên, Ninh Bình

vấn chú trọng việc phân loại rác thải tại nguồn bằng cách xây dựng Đề án phân loại rác tại nguồn nhằm giảm lượng rác thải phải xử lý tại các nhà máy (giảm chi phí vận chuyển) đồng thời tái sử dụng rác thải hữu cơ thực hiện kinh tế tuần hoàn.

- Tại khoản 49 Điều 1 Dự thảo Luật: Đề nghị chỉnh sửa điểm b khoản 5 Điều 91 thành “Xây dựng danh mục các cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính trên địa bàn báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 hằng năm”, để đảm bảo sự thống nhất trong nội dung quản lý phát thải khí nhà kính.

- Tại khoản 50 Điều 1 Dự thảo Luật: Đề nghị bổ sung trách nhiệm của UBND cấp tỉnh đối với nội dung bảo vệ tầng ô-dôn.

(Báo cáo này thay thế Báo cáo số 129/BC-UBND ngày 09/5/2026 của UBND tỉnh Ninh Bình)

Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- CPVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VP3, 4, 5, 8.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Anh Chức